

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số năm ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Bảo Lâm
năm 2025

PHẦN I - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2024

- 100% CBQL công chức, viên chức được trang bị máy tính để phục vụ công việc. 100% máy tính được cài đặt phần mềm diệt virus (bản quyền).
- 100% người đứng đầu của các đơn vị được tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo đảm an toàn thông tin;
- 100% tỷ lệ CBQL công chức, viên chức của các đơn vị được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin.
- 100% các trường Tiểu học; THCS triển khai thực hiện Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT.
- 90% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.
- 90% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- 50% hoạt động kiểm tra của ngành được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
- 100% báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê giáo dục được thực hiện qua hệ thống báo cáo của ngành; chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống báo cáo của ngành với hệ thống báo cáo của tỉnh, huyện.
- 100% trường học trực thuộc sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành để trao đổi, xử lý công việc trên môi trường mạng và triển khai học bạ điện tử, thanh toán học phí không dùng tiền mặt.
- 100% các dịch vụ phục vụ phụ huynh, học sinh được triển khai như: xét tuyển học sinh đầu cấp, kiểm tra, đánh giá, tra cứu kết quả học tập của học sinh đều thực hiện trên môi trường mạng và qua tin nhắn OTT, email và website trường học ở cấp học phổ thông.

- 100% trường học trực thuộc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số vào các hoạt động quản lý, dạy và học tạo sự thay đổi căn bản, toàn diện về quản lý, dạy và học theo hướng hiện đại; tạo đột phá về chất lượng đào tạo, góp phần tăng năng lực cạnh tranh.

- 100% giáo viên được nâng cao và tích lũy kinh nghiệm xử lý trong công tác giảng dạy, thông qua việc tích lũy và chia sẻ thông tin trên một hệ thống quản lý vận hành tập trung thông minh. 100% đơn vị triển khai công tác dạy và học qua môi trường mạng song song với dạy và học trực tiếp. 20% nội dung chương trình, ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

- 100% cơ sở giáo dục đều tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn; 100% trẻ em là nạn nhân bị xâm hại trên môi trường mạng (nếu có) được hỗ trợ, can thiệp khi có yêu cầu từ bản thân trẻ em hoặc từ người thân, cộng đồng xã hội. Triển khai Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025”.

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia; 100% giao dịch trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin một cửa được xác thực điện tử.

- 100% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của cơ quan được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống văn bản quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- Kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý, đầu tư ứng dụng CNTT. Duy trì ổn định và khai thác hiệu quả các hệ thống cơ sở dữ liệu ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của huyện, bảo đảm liên thông và đồng bộ với các hệ thống thông tin quốc gia, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, CSDL của các bộ, ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Phát triển, hoàn thiện kiến trúc cổng thông tin điện tử của Phòng GDĐT và các cơ sở giáo dục; bảo đảm hạ tầng CNTT hiện đại, chuẩn hóa, đồng bộ trong toàn ngành.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ CNTT, đặc biệt về ATTT mạng cho cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm CNTT và đội ứng cứu sự cố về ATTT mạng (đội ngũ giáo viên tin học).

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2024

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục.

a. Kết quả đạt được:

- Trong năm 2024, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các hoạt động chuyển đổi số ở các cơ sở giáo dục; thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động chuyển đổi số ở các cơ sở giáo dục trong đó tập trung trao đổi, làm rõ các nội dung liên quan đến việc ứng dụng chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục, dịch vụ công trực tuyến, quản lý dạy học, ứng dụng chuyển đổi số vào xây dựng bài giảng điện tử, hồ sơ sổ sách, quản lý các phần mềm ...

- 100% các cơ sở giáo dục thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của đơn vị, các chuyên mục tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, triển khai đề án 06 về thanh toán không dùng tiền mặt... trên cổng thông tin điện tử của đơn vị. Hiện tại chuyển đổi số trong giáo dục được ứng dụng dưới 3 hình thức chính là ứng dụng công nghệ trong phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ trong quản lý, ứng dụng công nghệ trong lớp học.

- Phòng GD&ĐT đã và đang triển khai đồng thời hai phần mềm quản lý giáo dục đó là phần mềm cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GD&ĐT và phần mềm quản lý giáo dục VnEdu đến tất cả các đơn vị giáo dục từ bậc mầm non đến cấp phổ thông trên địa bàn huyện. Đối với hồ sơ sổ sách quản trị nhà trường và của cá nhân giáo viên, Phòng GD&ĐT đã có hướng dẫn cụ thể để các đơn vị số hóa hồ sơ. Kết quả, 100% các trường quản lý học sinh trên hồ sơ điện tử; hồ sơ giáo viên bao gồm kế hoạch dạy học, sổ theo dõi đánh giá học sinh, kế hoạch giáo dục... đều đã được quản lý trên môi trường mạng.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo cũng tiến hành đánh giá mức độ chuyển đổi số ở các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện theo Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên. Kết quả 100% các cơ sở giáo dục đều đạt mức cơ bản là mức 2.

b. Tồn tại, hạn chế

Nguồn nhân lực được đào tạo chuyên sâu về CNTT ở phòng GD&ĐT và ở các đơn vị trường học còn thiếu; một số ít giáo viên lớn tuổi ở các trường học có kỹ năng sử dụng máy vi tính còn yếu; vấn đề an ninh mạng, an toàn thông tin vẫn còn nhiều thách thức...

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

Công tác xây dựng, ban hành các chương trình/đề án/kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số:

- Phòng Giáo dục và đào tạo đã ban hành kế hoạch số 30/KH-PGDĐT ngày 02/4/2024 về kế hoạch chuyển đổi số năm 2024.

- Ban hành văn bản số 62/PGDĐT ngày 11/6/2024 về việc báo cáo kết quả triển khai đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia trong Ngành Giáo dục và Đào tạo năm học 2023-2024.

- Ban hành văn bản số 352/PGDĐT ngày 03/7/2024 về việc tăng cường các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin trong thực hiện Đề án 06.

- Ban hành kế hoạch số 43/KH_PGDĐT ngày 21/6/2024 về kế hoạch Triển khai cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật về căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt Nam” của ngành Giáo dục và Đào tạo.

- Ban hành Kế hoạch số 56/KH-PGDĐT ngày 29/9/2024 về kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024 - 2025.

3. Hạ tầng số

- Năm 2024 tiếp tục được sự quan tâm của UBND huyện, các phòng ban ngành huyện, sự chỉ đạo quyết liệt của Lãnh đạo Phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện đã nỗ lực vượt qua khó khăn để nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật bao gồm các trang thiết bị CNTT, hạ tầng kết nối mạng và nâng cấp hệ thống các phần mềm, xây dựng phần mềm mới,... nhằm triển khai chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học và quản lý của nhà trường nhanh, có hiệu quả. Lớp hạ tầng kỹ thuật bao gồm các hệ thống, thiết bị như máy tính, thiết bị di động, kết nối mạng Internet; hệ thống mạng LAN, mạng không dây (wifi); phòng máy tính; phòng học bộ môn có ứng dụng CNTT; hệ thống tài liệu điện tử phục vụ giảng dạy; các thiết bị phục vụ ứng dụng CNTT trong dạy học trên lớp học; các thiết bị CNTT phục vụ quản lý, điều hành; hệ thống họp, hội nghị trực tuyến; hệ thống giám sát; các thiết bị, giải pháp dạy học có tính tương tác cao; các giải pháp và thiết bị kỹ thuật khác. Hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số trong toàn huyện đạt được những kết quả như sau:

- Về máy vi tính: Mỗi cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều có 01 máy tính để làm việc do tự trang bị hoặc cơ quan đơn vị cấp.

- Tỷ lệ các trường học có mạng LAN, kết nối Internet tốc độ cao đạt 100%.
- Tỷ lệ các trường học có phòng máy tính, phòng học bộ môn, phòng dạy học có trang bị thiết bị CNTT: đạt khoảng 80%; phòng họp trực tuyến: 100%.

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

Phòng GDĐT hiện phân công 01 chuyên viên kiêm nhiệm về CNTT. Các đơn vị trường học đều bố trí cơ bản đủ số lượng giáo viên giảng dạy môn Tin học và thực hiện nhiệm vụ phát triển và ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong trường học; tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng CNTT, chuyển đổi số do Sở GDĐT tổ chức. Hoạt động sử dụng Internet trong toàn ngành được thực hiện rộng rãi, 100% các đơn vị có kết nối Internet để phục vụ cho công việc.

5. Dữ liệu số

a. Kết quả đạt được

- Các hệ cơ sở dữ liệu do Bộ GDĐT cung cấp bao gồm: cơ sở dữ liệu ngành (csdl.moet.gov.vn); phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (pcgd.moet.gov.vn); Cổng Dịch vụ công Quốc gia (dichvucong.gov.vn); phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục; phần mềm PCGD-XMC; phần mềm học sinh giỏi.

- Các hệ cơ sở dữ liệu của tỉnh và của huyện bao gồm: quản lý cán bộ công chức viên chức (qlcbccvc.lamdong.gov.vn); quản lý CBQL, GV, NV, học sinh (vnEdu.vn); hệ thống email công vụ (lamdong.edu.vn); hỗ trợ kiểm định chất lượng giáo dục tiểu học, THCS (vnptschool.com.vn), hệ thống thư điện tử Sở GDĐT (moet.edu.vn); hệ thống quản lý văn bản điều hành (baolam.vnptioffice.vn); website cơ quan Phòng GDĐT (pgdbaolam.edu.vn); phần mềm tốt nghiệp THCS, học sinh giỏi (vnptschool.com.vn).

- Các cơ sở dữ liệu ngành đã được triển khai, khai thác và áp dụng đầy đủ. Các hệ cơ sở dữ liệu ngành đang được triển khai thực hiện chủ yếu do Bộ GDĐT xây dựng nên việc kết nối liên thông, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với các cơ sở dữ liệu dùng chung còn gặp rất nhiều khó khăn.

- Đối với các cơ sở dữ liệu thuộc Sở GDĐT, Phòng GDĐT phối hợp với VNPT Lâm Đồng, Viettel Lâm Đồng, VNPT Bảo Lâm, Viettel Bảo Lâm kết nối với các hệ cơ sở dữ liệu của tỉnh, bộ, có tính kế thừa cao và tính triển khai ứng dụng trên các thiết bị di động. Hiện nay các hệ cơ sở dữ liệu đã cơ bản hoàn thiện và có tính kết nối, đồng bộ cao, đáp ứng nhu cầu quản lý và khai thác thông tin toàn ngành.

6. An toàn thông tin mạng

Thông qua các hội nghị, lớp tập huấn, kiểm tra thực tế tại các đơn vị, Phòng GDĐT chỉ đạo các đơn vị tăng cường tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho viên chức và người lao động về an toàn thông tin, an ninh mạng, số lượng máy tính được cài phần mềm diệt virus có bản quyền ngày càng được nâng lên và đã xử lý kịp thời. Trong năm 2023, toàn ngành không để xảy ra sự cố nào về mất an toàn thông tin, vi phạm Luật An ninh mạng.

7. Chính quyền số

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 40% trở lên; 80% TTHC đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tích hợp 50% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của Phòng GDĐT với Cổng dịch vụ công của huyện tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC.

- 60% các hệ thống thông tin giáo dục có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh;

- 80% hồ sơ công việc tại cơ quan Phòng GDĐT và 60% hồ sơ công việc tại cơ sở được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

8. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

8.1. Ngày chuyển đổi số:

- Thực hiện công văn số 1343/SGDDĐT-TCHC ngày 27/8/2024 của Sở GD&ĐT tỉnh Lâm Đồng về triển khai Ngày Chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã ban hành văn bản số 445 về việc triển khai Ngày chuyển đổi số năm 2024 trong Ngành giáo dục. Kết quả:

- 100% các cơ sở giáo dục đã đăng thông tin, bài, phóng sự phản ánh Ngày Chuyển đổi số quốc gia trên Trang thông tin điện tử của đơn vị, các nền tảng mạng xã hội và hệ thống thông tin cơ sở đơn vị, trường học. Chạy chủ đề Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024 trên Trang thông tin điện tử, Bảng điện tử; băng rôn tuyên truyền.

- Tuyên truyền đến đội ngũ công chức, viên chức, người lao động và học sinh các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt như: Thanh toán bằng mã QR, thanh toán qua thiết bị chấp nhận thẻ, ví điện tử, thanh toán qua điện thoại di động, thanh toán qua Internet,...

- Tuyên truyền tiếp cận và sử dụng chữ ký số cá nhân trong các hoạt động giao dịch điện tử.
- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức nhận biết những hành vi lừa đảo, nhận biết rủi ro; cách phòng tránh và xử lý khi bị lợi dụng trong thanh toán không dùng tiền mặt.
- Thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong cơ quan, đơn vị, trường học.

8.2. Công tác truyền thông về chuyển đổi số

Năm 2024, công tác truyền thông về chuyển đổi số được các cơ sở giáo dục trong huyện chú trọng triển khai thực hiện; 100% các cơ sở giáo dục thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của đơn vị, các chuyên mục tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, triển khai đề án 06 về thanh toán không dùng tiền mặt... trên cổng thông tin điện tử của đơn vị. Hiện tại chuyển đổi số trong giáo dục được ứng dụng dưới 3 hình thức chính là ứng dụng công nghệ trong phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ trong quản lý, ứng dụng công nghệ trong lớp học.

9. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Chương trình chuyển đổi số từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Xây dựng dự toán kinh phí để triển khai kinh phí triển khai học bạ số, hồ sơ sổ sách điện tử, các phần mềm quản lý trường học trên cơ sở dữ liệu của ngành Giáo dục trong giáo dục phổ thông.

PHẦN II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Công điện số 33/CĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng;

- Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 5731/KH-UBND ngày 3/8/2022 của UBND tỉnh thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Lâm Đồng phiên bản 2.0; Quyết định 764/QĐ-UBND ngày ngày 14/4/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức Phong trào thi đua “Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025”;

- Kế hoạch số 3731/KH-UBND ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh thực hiện chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

- Kế hoạch số 4423/KH-UBND ngày 23/5/2023 của UBND tỉnh triển khai Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

- Kế hoạch số 8124/KH-UBND ngày 18/9/2023 của UBND tỉnh về phát triển hạ tầng số giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

- Văn bản số 4324/BGDĐT - CNTT ngày 14/8/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, CDS và thống kê giáo dục năm học 2024 – 2025;

- Kế hoạch số 1500/SGDĐT-GDTrH ngày 17/9/2024 về Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024 - 2025;

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” và Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025”; tiếp tục triển khai mở rộng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm nâng cao tiện ích và hiệu quả cho công tác quản lý giáo dục; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và bộ phận một cửa, một cửa liên thông, liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; triển khai học bạ số, xây dựng cơ sở dữ liệu văn bằng, chứng chỉ hướng đến văn bằng số, chứng chỉ số.

Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, quản trị, dạy, học và nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, kiểm tra, đánh giá trong giáo dục; tiếp tục xây dựng hạ tầng số quốc gia về học tập, kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành, gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động dạy, học và quản lý giáo dục đi cùng với phát triển các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường học tập số; nâng cao năng lực số cho người học và đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1 Mục tiêu thực hiện nhiệm vụ cụ thể:

1. Chuyển đổi số trong dạy, học và đánh giá:

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, trong đó lưu ý triển khai một số nội dung như sau:

a) Duy trì, khai thác sử dụng tối đa lợi ích của phần mềm quản lý học tập (LMS) trong hoạt động dạy học trực tuyến để trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học.

b) Tổ chức xây dựng học liệu số, đóng góp và khai thác sử dụng hiệu quả Kho học liệu dùng chung của Ngành trong tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá.

c) Đẩy mạnh đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến; thực hiện

đánh giá định kỳ trên máy tính đối với những địa phương, đơn vị có nhu cầu và đảm bảo điều kiện tổ chức thực hiện.

d) Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ nhà giáo; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung gắn với thực tế công việc như: ứng dụng các phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động dạy, học.

đ) Rà soát, dự toán để đầu tư mới, mua sắm bổ sung máy tính đáp ứng yêu cầu dạy môn Tin học; mua sắm thiết bị phục vụ xây dựng học liệu số và dạy học trực tuyến.

e) Tiếp tục triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học và nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

g) Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số trong nhà trường.

e) Tiếp tục triển khai có hiệu quả các Chương trình dạy học tin học chuẩn quốc tế như: MOS đối với cấp THPT; IC3 Spark, IC3 đối với cấp Tiểu học, THCS; Trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR) và ngôn ngữ lập trình mới cho học sinh phổ thông. Ứng dụng mạnh mẽ, có hiệu quả lĩnh vực AI vào hoạt động dạy, học và STEM.

2. Chuyển đổi số trong quản trị các cơ sở giáo dục và xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục:

a) Tiếp tục triển khai phần mềm quản trị nhà trường tới 100% cơ sở giáo dục, tối thiểu triển khai các phân hệ: quản lý người học (hồ sơ, kết quả quá trình học tập, rèn luyện, học bạ, sức khỏe), quản lý đội ngũ, quản lý cơ sở vật chất (trong đó có danh mục thiết bị dạy học tối thiểu, nhà công vụ cho giáo viên, phòng học, nước sạch, công trình vệ sinh), y tế học đường, tài chính (thanh toán không dùng tiền mặt); đảm bảo kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục.

b) Dự toán kinh phí để tham mưu lãnh đạo các cấp bố trí nguồn lực, kinh phí triển khai học bạ số, hồ sơ sổ sách điện tử, các phần mềm quản lý trường học trên cơ sở dữ liệu của ngành Giáo dục trong giáo dục phổ thông.

c) Xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu theo Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ như sau:

- Tiếp tục triển khai mở rộng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm nâng cao tiện ích và hiệu quả cho công tác quản lý giáo dục (cơ sở dữ liệu về giáo dục mầm non, giáo dục thường xuyên, giáo dục thể chất, giáo dục dân tộc, công tác chính trị học sinh sinh viên, cơ sở vật chất và chuyển đổi số).

- Tổ chức cập nhật dữ liệu trên các hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của của Sở GDĐT, Bộ GDĐT tại địa chỉ <http://csdl.lamdong.edu.vn> (vnEdu) và <http://csdl.moet.gov.vn>; hoàn thiện dứt điểm việc cập nhật đầy đủ số định danh cá nhân của giáo viên và người học; cập nhật đầy đủ kết quả học tập của người học trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục theo từng kỳ học; đặc biệt, hoàn thiện đầy đủ thông tin của học sinh, học viên lớp 12 phục vụ kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non và thông tin của học sinh phục vụ tuyển sinh đầu cấp (lớp 6 và lớp 10 trường phổ thông dân tộc nội trú). Dữ liệu học sinh chuyển trường phải được cập nhật trên CSDL đầy đủ trước khi thực hiện các công tác chuyển đi và chuyển đến.

- Quản lý, sử dụng và bảo mật các tài khoản trên hệ thống phần mềm CSDL ngành giáo dục phải được thường xuyên, liên tục và đảm bảo an toàn tuyệt đối.

- Ứng dụng và khai thác có hiệu quả hệ thống thông tin phổ cập giáo dục xóa mù chữ trên cơ sở kết nối và kế thừa dữ liệu sẵn có từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục mầm non, phổ thông (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác nội dung theo quy định về chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục.

3. Tiếp tục triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục, trong đó ưu tiên một số dịch vụ:

a) Dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh đầu các cấp học; Dịch vụ công nhận văn bằng, chứng chỉ, hướng tới triển khai ở mức độ toàn tỉnh.

b) Tập trung triển khai 03 nhóm dịch vụ công trực tuyến, toàn trình liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 206/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ¹.

¹

c) Đẩy mạnh thanh toán học phí, các khoản thu bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý học phí, quản lý các khoản thu của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong đó có Nền tảng thanh toán trực tuyến cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2.2 Chỉ tiêu cụ thể:

- Phần đầu 50% nhà giáo và cán bộ quản lý được đào tạo bổ sung nâng cao năng lực số, kỹ năng, phương pháp sư phạm phù hợp để triển khai đào tạo trên môi trường số.

- Hình thành nền tảng số giáo dục, kho học liệu, tài nguyên số dùng chung phục vụ cho hoạt động dạy và học vào năm 2025.

- Có 50% vào năm 2025 hoạt động kiểm tra chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% cơ sở giáo dục đều tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn; 100% trẻ em là nạn nhân bị xâm hại trên môi trường mạng (nếu có) được hỗ trợ, can thiệp khi có yêu cầu từ bản thân trẻ em hoặc từ người thân, cộng đồng xã hội. Triển khai Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025”.

- 100% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của cơ quan được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống văn bản quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- Kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý, đầu tư ứng dụng CNTT. Duy trì ổn định và khai thác hiệu quả các hệ thống cơ sở dữ liệu ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của huyện, bảo đảm liên thông và đồng bộ với các hệ thống thông tin quốc gia, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, CSDL của các bộ, ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Phát triển, hoàn thiện kiến trúc công thông tin điện tử của Phòng GDĐT và các cơ sở giáo dục; bảo đảm hạ tầng CNTT hiện đại, chuẩn hóa, đồng bộ trong toàn ngành.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ CNTT, đặc biệt về ATTT mạng cho cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm CNTT và đội ứng cứu sự cố về ATTT mạng (đội ngũ giáo viên tin học).

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo; điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo; điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số ở các cơ sở giáo dục, triển khai đồng thời hai phần mềm quản lý giáo dục đó là phần mềm cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GD&ĐT và phần mềm quản lý giáo dục VnEdu đến tất cả các đơn vị giáo dục từ bậc mầm non đến cấp phổ thông trên địa bàn huyện. Đối với hồ sơ sổ sách quản trị nhà trường và của cá nhân giáo viên, Phòng GD&ĐT đã có hướng dẫn cụ thể để các đơn vị số hóa hồ sơ. Kết quả, 100% các trường quản lý học sinh trên hồ sơ điện tử; hồ sơ giáo viên bao gồm kế hoạch dạy học, sổ theo dõi đánh giá học sinh, kế hoạch giáo dục... đều đã được quản lý trên môi trường mạng.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của đơn vị và hoạt động có hiệu quả, duy trì các chuyên mục tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, triển khai đề án 06 về thanh toán không dùng tiền mặt... trên cổng thông tin điện tử của đơn vị.

- Tiến hành đánh giá mức độ chuyển đổi số ở các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện theo Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

2. Thể chế, chính sách số

- Tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan chức năng các ban, ngành của huyện tham mưu ban hành các văn bản về lĩnh vực CNTT, chuyển đổi số nhằm hiện thực hóa các mục tiêu của Kế hoạch.

- Tham mưu ban hành kịp thời các văn bản quản lý chỉ đạo về bảo đảm an toàn thông tin mạng theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT, UBND huyện, Phòng Văn hóa Thông tin và Truyền thông; các ban, ngành có liên quan.

- Tham mưu ban hành các văn bản về tuyên truyền, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp tích cực sử dụng dịch vụ công trực tuyến thông qua các kênh truyền thông và mạng xã hội.

3. Hạ tầng số

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp thiết bị mạng, máy vi tính,... nhằm hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đảm bảo các điều kiện cần thiết sẵn sàng thực hiện kết nối, triển khai các ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong ngành.

- Đầu tư phát triển các phần mềm, triển khai mua sắm, trang bị phần mềm diệt virus có bản quyền cho công chức, công chức đảm bảo phục vụ tốt cho triển khai các ứng dụng và phục vụ công tác chuyên môn, đảm bảo an toàn thông tin.

- Đầu tư mua sắm phần mềm Windows bản quyền (máy tính của lãnh đạo, văn thư) để đảm bảo công tác an toàn, an ninh thông tin trong quá trình xử lý văn bản trên Hệ thống QLVBDH, thư điện tử công vụ, chữ ký số. Đẩy mạnh thực hiện chữ ký số và gửi nhận văn bản không giấy tờ.

4. Nhân lực số

- Tiếp tục rà soát, tham gia các khóa bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong nhà trường cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

- Rà soát, kiện toàn và nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và làm công tác thống kê trong ngành giáo dục ở tất cả các cấp.

- Đẩy mạnh áp dụng mô hình giáo dục giáo dục STEM/STEAM; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

5. Phát triển dữ liệu số

Triển khai áp dụng nền tảng tích hợp cơ sở dữ liệu giáo dục toàn ngành; khai thác, sử dụng có hiệu quả các cơ sở dữ liệu dùng chung, tập trung vào cơ sở dữ liệu về công chức, viên chức, học sinh và thanh toán không dùng tiền mặt; tham gia phát triển, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

6. An toàn thông tin mạng

- Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị hoặc thuê dịch vụ nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp, hệ thống trung tâm dữ liệu và thiết bị đầu cuối.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá (về kỹ thuật) an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý theo quy định. Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về an toàn thông tin; tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các công chức, viên chức, người lao động và người dân.

- Tăng cường triển khai thực hiện các biện pháp đảm bảo ATTT cho các hệ thống, phần mềm, hạ tầng ứng dụng CNTT như: cài đặt phần mềm bảo vệ, diệt virus, phòng chống mã độc cho 100% máy tính của cơ quan, đơn vị, 100% máy tính của lãnh đạo, văn thư, kế toán các cơ sở giáo dục và các bộ phận quan trọng khác trong nhà trường. Đảm bảo ATTT gắn liền với hoạt động ứng dụng CNTT trong cơ quan phòng GDĐT và các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

7. Chính quyền số

Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng và khai thác hệ thống các cơ sở dữ liệu.

Tăng cường tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số và thực hiện Đề án 06 của Chính phủ (Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030)

8. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng tại các cơ sở giáo dục. Trong đó, tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn học sinh tương tác an toàn trên không gian mạng, hướng dẫn học sinh khả năng tự đọc tin, phân biệt được nội dung an toàn có thể tiếp cận và loại bỏ những nội dung, thông tin sai lệch, thông tin vi phạm pháp luật.

- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và các kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng qua các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thông xã hội.

- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và các kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin qua các hệ thống thông tin cơ sở.

IV. GIẢI PHÁP

1. Kịch bản tổ chức bộ phận phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục:

a) Đối với phòng GDĐT: Phân công lãnh đạo đơn vị/cơ quan phụ trách, lãnh đạo cấp phòng/tổ và chuyên viên làm đầu mối theo dõi triển khai nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục.

b) Đối với cơ sở giáo dục:

Phân công lãnh đạo cơ sở giáo dục phụ trách và viên chức công nghệ thông tin hoặc giáo viên kiêm nhiệm làm đầu mối triển khai nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục. Tùy theo thời lượng và số lượng nhiệm vụ được giao thêm, lãnh đạo các đơn vị bố trí cộng thêm tiết kiêm nhiệm cho giáo viên phụ trách.

Đối với việc quản lý phòng bộ môn Tin học: Lãnh đạo các đơn vị thực hiện phân công cho giáo viên dạy Tin học để đảm bảo đúng chuyên môn và thực hiện cộng tiết kiêm nhiệm cho giáo viên được phân công (03 tiết/Phòng) theo quy định tại Thông tư số 14/2020//TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT và Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ GDĐT.

2. Triển khai hiệu quả việc đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên (ứng dụng phần mềm tiện ích đánh giá Bộ chỉ số trên CSDL ngành giáo dục để tự đánh giá và lưu trữ minh chứng).

3. Tăng cường công tác thể chế: Các đơn vị chủ trì quản lý hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu giáo dục (theo tài khoản đã được phân cấp) lưu ý việc tăng cường rà soát và hoàn thiện quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định (giao trách nhiệm các phòng/bộ phận chuyên môn rà soát, đối chiếu và chuẩn hóa đảm bảo tính chính xác của dữ liệu thành phần của từng cấp học trên cơ sở dữ liệu ngành); đảm bảo tuân thủ các quy định nhà nước về thông tin cá nhân, quy định về sở hữu dữ liệu; thường xuyên phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục. Rà soát, cập nhật, bổ sung các văn bản pháp lý về quy chế, quy định trong việc ứng dụng, quản lý và khai thác CSDL tại đơn vị, cũng như các cơ sở pháp lý khác trong công tác Chuyển đổi số.

4. Đảm bảo kinh phí và nguồn lực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số giáo dục

a) Rà soát và tham mưu các cấp quản lý để có nguồn lực và kinh phí cho hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng CNTT tại đơn vị đảm bảo hiệu quả, liên thông và đáp ứng các yêu cầu của ngành; có kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp hạ tầng CNTT (phần cứng, phần mềm) đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng công

nghe thông tin, chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục; đảm bảo kết nối cáp quang internet, dịch vụ internet không dây trong các cơ sở giáo dục.

b) Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống công nghệ thông tin; thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục; công tác quản lý hồ sơ sổ sách điện tử, học bạ điện tử cũng như quản lý hoạt động ký số đảm bảo an toàn, đúng quy định.

5. Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trong giáo dục: Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò và kết quả của ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục; phổ biến và tuyên truyền tới cán bộ, giáo viên và học sinh về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; triển khai các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia vào ngày 10 tháng 10 hàng năm.

6. Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê trong giáo dục, tối thiểu 30% số đơn vị trực thuộc được kiểm tra, 30% viên chức đối với các cơ sở giáo dục (có thể lồng ghép chung vào kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị trực thuộc phòng GD&ĐT tiến hành xây dựng kế hoạch, triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025. Nội dung kế hoạch, hướng dẫn cần bám sát thực tế triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của đơn vị; xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đem lại hiệu quả thiết thực. Kế hoạch triển khai nhiệm vụ của các trường gửi qua bộ phận chuyên môn để tổng hợp trước ngày 15/10/2024.

2. Tổ chức sơ kết đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số sau khi kết thúc học kỳ I năm học 2024 - 2025 và gửi về Phòng GDĐT (qua chuyên môn) trước ngày 20/12/2024.

3. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024 - 2025; lập báo cáo đánh giá và tự chấm điểm tiêu chí thi đua năm học và gửi Phòng GDĐT (qua chuyên môn) trước ngày 20/5/2025.

Trên đây là kế hoạch chuyển đổi số trong ngành Giáo dục huyện Bảo Lâm năm 2025 trong quá trình thực hiện có những nội dung mới phát sinh, vướng mắc đề nghị các đơn vị trường học báo cáo về phòng GDĐT để kịp thời tháo gỡ./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng VHTT huyện;
- Lãnh đạo Phòng GDĐT;
- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện;
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Trương Thăng Long